



LTS: Một di sản văn hoá của tổ tiên không chỉ dừng lại ở những sản phẩm do con người tạo ra, mà nhiều khi nơi đó còn hội tụ cả những giá trị do thiên nhiên ban tặng để tạo thành một vẻ đẹp chuẩn mực - không thừa không thiếu. Nhưng, như thế vẫn chưa đủ, nếu không đề cập tới các giá trị khác. Nhân kỷ niệm mười năm Vịnh Hạ Long được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới, để hiểu đầy đủ hơn về miền Vịnh thánh thiện này, Ban Biên tập xin gửi tới bạn đọc bài viết của PGS.TS Nguyễn Văn Tiến với nội dung về giá trị đa dạng sinh học của vùng Vịnh. Vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh vinh dự được UNESCO hai lần công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới. Lần thứ nhất, công nhận về giá trị thẩm mỹ vào tháng 12/1994 và lần thứ hai công nhận về giá trị địa chất, vào tháng 11/2000. Ngoài giá trị thẩm mỹ và địa chất, Vịnh Hạ Long còn có những giá trị đa dạng sinh học, nhưng cho đến nay chưa được nghiên cứu đánh giá đầy đủ.

Bài này cung cấp cho độc giả một số thông tin tương đối mới, cập nhật nhằm góp phần bổ sung cho sự hiểu biết của chúng ta về những giá trị đa dạng sinh học của Vịnh Hạ Long.

A. Các giá trị bảo tồn đa dạng sinh học

1- Giá trị đa dạng nguồn gen.

Tài liệu về đa dạng nguồn gen ở Vịnh Hạ Long được trình bày trên bảng 1. Đến nay đã biết 2.186 loài sinh vật ở dưới nước và trên các đảo thuộc Vịnh Hạ Long, số loài mới phát hiện nhiều gấp 3 lần so với trước đây (753 loài). Hơn 1000 loài mới được bổ sung

cho khu hệ sinh vật Vịnh Hạ Long, phần lớn chúng là cá rạn san hô, trùng lỗ, tảo độc, cá biển, chim biển, thực vật trên đảo và thú trên đảo.

Tổng số loài sinh vật ở Vịnh Hạ Long cao hơn so với Cát Bà (2.023 loài). Các nhóm thực vật phù du, rong biển, thực vật ngập mặn, động vật phù du, động vật đáy, cá biển, cá rạn san hô, chim biển ở Vịnh Hạ Long đều cao hơn vùng biển Cát Bà và Cô Tô (bảng

2)

2- Giá trị kinh tế

Đã thống kê 200 loài sinh vật biển và 219 loài sinh vật trên đảo có giá trị kinh tế khai thác cao như các loài cá, tôm, cua, động vật đáy, thân mềm, rong biển và các cây trên đảo. Trữ lượng cá Vịnh Hạ Long ước tính 5.000 tấn, tôm 400 tấn (không tính sản lượng nuôi trồng), động vật thân mềm 2.000 tấn, rong biển 100 tấn. Giá trị kinh tế (gồm các giá trị khai thác, tham quan du lịch, giá trị sinh thái môi trường) của riêng các rạn san hô Vịnh Hạ Long và phụ cận ước tính 3,3 triệu USD. Chưa kể giá trị kinh tế của các hệ sinh thái

khác (thảm cỏ biển, vùng triều, vùng dưới triều, rừng ngập mặn, rừng trên đảo v.v).

3- Giá trị nguồn gen quý, hiếm, đặc hữu

Vịnh Hạ Long đã phát hiện 50 loài quý, hiếm và đặc hữu, trong đó có 30 loài quý, hiếm đang có nguy cơ tuyệt chủng đã được ghi trong sách đỏ Việt Nam và danh mục đỏ thế giới (IUCN). Ví dụ như sam đuôi tam giác, bào ngư, cá ngựa, ốc đụn, ốc xà cừ, vẹm xanh, trai ngọc, ba khía, tu hải, mực thuốc, đổi mỗi, rong thun thút, rong thuốc giun, tôm hùm, khỉ mặt đỏ, khỉ vàng, rái cá thường, tắc kè, cây hương, mèo rừng, sơn dương, cò trắng, cò ruồi, vịt đầu vàng, mòng két;

BẢNG 1. ĐA DẠNG LOÀI SINH VẬT VỊNH HẠ LONG (2004)

NHÓM SINH VẬT	SỐ LOÀI	% TỔNG SỐ LOÀI
Thực vật phù du	278 (29 loài tảo độc)	12.73
Trùng lỗ	53	2.43
Rong biển	139	6.38
Cỏ biển	5	0.02
Cây ngập mặn	31	1.45
Động vật phù du	133	6.09
San hô	154	7.05
Động vật đáy	45	24.96
Cá biển	204	9.36
Cá rạn san hô	111	5.08
Thực vật trên đảo	435	19.94
Chim biển	76	3.49
Thú trên đảo	22	1.01
Tổng cộng	2.186 loài	100%

BẢNG 2. SO SÁNH SỐ LOÀI CỦA MỘT SỐ NHÓM SINH VẬT BIỂN VỊNH HẠ LONG VÀ CÁC ĐẢO CÁT BÀ, CÔ TÔ, BẠCH LONG VĨ

NHÓM SINH VẬT	VỊNH HẠ LONG	CÁT BÀ	CÔ TÔ	BẠCH LONG VĨ
Thực vật phù du	278	199	-	130
Rong biển	139	75	74	35
Cỏ biển	5	3	3	1
Cây ngập mặn	31	23	4	6
Động vật phù du	133	89	54	79
San hô	154	160	114	81
Động vật đáy	545	475	100	76
Cá biển	204	119	165	460
Cá rạn san hô	111	35	44	45
Chim biển	76	71	-	-

ó cá, đại bàng đầu nâu, điều trắng, điều hâu, mòng bể, cú lợn, cú mèo, yến hoàng, hồng hoành, hút mật, yến v.v. Những loài đặc hữu chỉ có ở Vịnh Hạ Long như thiên tuế Hạ Long, ngũ gia bì Hạ Long, bóng nước Hạ Long, me thui ngọn, rita Hạ Long, rita một cặp, rita hiệp, rita ôn hòa, sung bể Hạ Long, sung Hạ Long, cơm nguội chân, nhài Hạ Long, an điển, ngoại mộc lá, lá han, cọ Hạ Long, riềng núi đá v.v.

4- Giá trị dược liệu

Ở Vịnh Hạ Long đã thống kê được 200 loài sinh vật trên đảo và 62 loài sinh vật dưới biển có giá trị làm thuốc chữa bệnh cho người và gia súc. Ví dụ sinh vật biển làm thuốc chữa bệnh giun sán (rong thuốc giun, rong đại, rong chửn v.v), bệnh huyết áp (rong guột chùm, rong mơ mềm v.v), điều tiết sinh dục (rong quạt, rong gai v.v), trị phong thấp (rong cơm, cá dưa, cá chình v.v), suy nhược cơ thể (chim yến hoàng), bệnh thận (vẹm, hào, rùa, trai ngọc, cá đối v.v), hen suyễn (sam, ốc vặn v.v), bệnh mắt (bào ngư, ốc bảo bối v.v), giải độc (ốc xà cừ, rong mơ, vẩy đồi mồi), bệnh lao (cá bò, cá nóc, sứa v.v), liệt dương (rắn biển, cá ngựa, tắc kè) v.v. Có đến 195 loài thực vật trên các đảo của Vịnh Hạ Long đều có giá trị dược liệu, làm các thuốc chữa bệnh khác nhau. Ví dụ như cây ké hoa vàng, tra bồ đề, bình vôi hoa đầu, dây đau xương, cơm nguội lông, đơn nem, nhài nhiều hoa, câu đằng, bưởi bung, cơm rươi, kim sương v.v.

5. Nguyên liệu công nghiệp

Ở Vịnh Hạ Long nhiều loài sinh vật có thể dùng làm nguyên liệu cho các ngành công nghiệp khác nhau. Ví dụ có 9 loài thực vật trên đảo có thể phục vụ ngành công nghiệp chế biến gỗ; 22 loài cho ngành chế biến dầu, tinh dầu, nhựa, sợi; 9 loài dùng làm nguyên liệu chế biến tanmin, thuốc nhuộm. Về sinh vật biển có 30 loài có thể dùng làm nguyên liệu cho công nghiệp thực phẩm, chế biến đồ hộp (tôm, cá, rong biển); 5 loài rong biển dùng làm nguyên liệu chế biến keo carrageenan (dùng trong mỹ phẩm); 12 loài rong biển khác dùng trong công nghiệp chế biến keo alginat (sản xuất gạch chịu lửa, công nghiệp dệt may); 9 loài rong biển phục vụ cho công nghiệp chế biến agar (dùng trong y, dược học); nhiều loài động vật đáy (san hô, trai ốc, vỏ tôm hùm, vỏ sam v.v) dùng làm đồ thủ công mỹ nghệ phục vụ du lịch...

6. Giá trị sinh thái và môi trường.

Những sự khác nhau về cảnh quan địa hình đã làm cho Vịnh Hạ Long trở thành một trong những nơi có sự đa dạng cao về hệ sinh thái (HST). Các HST là cơ sở sinh tồn của các loài sinh vật trên đảo và dưới nước. Ở đây tồn tại các HST chủ yếu như: HST rạn

san hô, HST cỏ biển, HST rừng ngập mặn, HST vùng triều, HST đảo, HST rừng thường xanh trên núi đá vôi. Các HST có vai trò quan trọng trong làm sạch môi trường nước, không khí, đảm bảo các chu trình cơ bản trong tự nhiên, góp phần ngăn ngừa dịch bệnh...

7. Giá trị hệ sinh vật hang động.

Khu hệ sinh vật sống trong các hang động cũng là một trong những nét đặc thù của Vịnh Hạ Long, điển hình nhất là nhóm ốc hang, cá nước ngọt trong hang...

8. Giá trị về thẩm mỹ, văn hóa, khoa học, giáo dục.

Những cảnh đẹp trên đảo, dưới nước do các loài sinh vật tạo ra (cảnh đẹp rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn, rừng cây trên đảo, muông thú v.v..) đã giúp con người hiểu biết thêm về thế giới hoang dã, mở mang trí tuệ, tăng thêm tình yêu thiên nhiên, đất nước thông qua du lịch sinh thái, các đề tài nghiên cứu khoa học kĩ thuật.

B. Suy thoái đa dạng sinh học Vịnh Hạ Long

Tuy Vịnh Hạ Long có tính đa dạng sinh học cao nhưng hiện nay chúng đang bị suy thoái do các yếu tố tự nhiên và nhân tác.

- Gió bão: Là yếu tố rất bất lợi cho các quần xã sinh vật. Chúng làm xáo trộn gây mất ổn định nền đáy, tăng độ đục, phủ đất cát v.v... dẫn tới sinh vật chết hàng loạt.

- Dòng nước ngọt: Về mùa mưa nước ngọt từ các sông đổ ra Vịnh Hạ Long, làm giảm độ muối trong nước biển đã làm cho nhiều loài sinh vật biển ưa mặn chết hàng loạt.

- Khai thác các loài quá mức, khai thác bằng các phương tiện hủy diệt (thuốc nổ, xung điện, mắt lưới nhỏ v.v..) đã và đang làm suy thoái đa dạng sinh học.

- Khai hoang lấn biển, phát triển đô thị đã làm cho diện tích bãi triều (nơi các loài sinh vật phát triển) bị thu hẹp.

- Ô nhiễm môi trường sống (nước thải công nghiệp, thuốc trừ sâu, dầu...).

- Sự chuyển đổi sang kinh tế thị trường nhấn mạnh lợi ích kinh tế trước mắt bỏ qua nhiệm vụ bảo tồn.

C. Các giải pháp chủ yếu bảo vệ đa dạng sinh học Vịnh Hạ Long.

- Thực hiện các bộ luật, pháp lệnh do Nhà nước đã ban hành liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học, đặc biệt là Quyết định số 192/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ kí ngày 17/9/2003 về "Chiến lược

(xem tiếp trang 115)

mở rộng hiện.

Trong chùa, nhất là chùa ở ven sông Đáy, thường có một nhang án lớn bằng đá nằm sát cột cái phía trong, chiếm chiều dài xấp xỉ bề rộng gian nhà.

Nghệ thuật của một ngôi chùa dạng này là sự kết hợp ít nhất của ba dòng khác nhau: Dòng bản địa, dòng Trung Hoa được Việt hóa trong kết cấu, dòng Đông Nam Á (chịu ảnh hưởng Ấn Độ qua các đề tài trang trí gắn với Phật thoại).

Có một loại kiến trúc khác là đền, song chỉ còn để lại nền móng như: Kiếp Bạc, Thiên Trường...những đền này thờ các nhân thần. Vốn nằm trong các diền trang, thái ấp của tướng lĩnh, tiền thân đền là nơi ở của các vị này, khi họ chết thì thành đền thờ.

Thời Trần có một loại hình kiến trúc khác là những lăng-miếu mộ. Lăng của vua, miếu mộ của các quan lớn trong triều, như miếu mộ của Trần Thủ Độ. Thời Lý chắc cũng có lăng mộ nhưng không còn dấu vết gì, trái lại các miếu mộ thời Trần còn rất rõ.

Ở vùng Yên Sinh (Hải Dương, hoặc ở Thâm

Động-Thái Bình), mỗi lăng mộ thường chiếm diện tích gần hết mặt một quả đồi. Thông thường lăng có mặt bằng hình chữ nhật, có lăng dài hơn 100m, rộng xấp xỉ 60m. Tất cả các công trình gắn với lăng được làm cân xứng hai bên trục trung tâm (Thần đạo). Dấu vết các kiến trúc quá mờ nhạt, nhưng các tượng người, vật...với tư cách kẻ "hầu hạ" thì còn minh định được. Hệ thống các tượng xếp hai bên đường, gần mộ táng.

Như vậy, nếu thời Lý chỉ còn để lại tới những dấu vết vật chất của một loại hình chùa thì thời Trần để lại ba dạng di tích: Chùa, đền, lăng mộ. Tất nhiên kiến trúc gắn với triều đình thì thời nào cũng có và chắc chắn những dạng kiến trúc tôn giáo khác của thời Lý vẫn tồn tại dưới thời Trần. Và bằng vào thư tịch cổ, chúng ta đã biết thời Trần còn có một dạng kiến trúc đình trạm, nơi dừng chân cho khách bộ hành...

(kỳ sau đăng tiếp)

KTS. TRẦN ĐÌNH THÀNH

(Theo tư liệu của Trần Lâm)

VỀ GIÁ TRỊ ĐA DẠNG SINH HỌC Ở VỊNH HẠ LONG

(tiếp trang 87)

quản lý hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên Việt Nam đến năm 2010" và Quyết định số 131/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình "Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2010".

- Thực hiện các quyết định của UBND tỉnh Quảng Ninh về bảo vệ Khu di sản Vịnh Hạ Long và các chế độ nội quy về quản lý của Ban Quản lý Vịnh Hạ Long. Tăng cường công tác kiểm soát và xử phạt đối với các hành vi làm suy thoái đa dạng sinh học của Vịnh Hạ Long.

Kết luận.

Vịnh Hạ Long là kỳ quan thiên nhiên thế giới, không những có giá trị tuyệt hảo về vẻ đẹp tự nhiên, tính độc đáo về địa chất mà còn có giá trị cao về đa dạng sinh học. Các giá trị bảo tồn đa dạng sinh học Vịnh Hạ Long không thua kém nơi nào ở vùng ven biển bờ Tây vịnh Bắc Bộ. Tuy vậy, Vịnh Hạ Long hiện đang nằm trong vùng tam giác phát triển kinh tế năng động. Các hành động phát triển thường mâu thuẫn với nhiệm vụ bảo tồn. Do đó, đề nghị tỉnh Quảng

Ninh cần phải xây dựng một chiến lược phát triển tổng hợp, hài hòa sao cho vừa bảo đảm phát triển tăng trưởng kinh tế vừa đáp ứng được yêu cầu bảo tồn đa dạng sinh học, nhằm mục tiêu phát triển bền vững.

N.V.T

Tài liệu tham khảo.

1. Nguyễn Văn Tiến, 1995 (chủ biên). *Điều tra nguồn lợi sinh vật vùng triều Nam Vịnh Hạ Long*. Báo cáo khoa học, lưu trữ tại Phân viện Hải dương học tại Hải Phòng, 60 trang.
2. Phạm Đình Trọng, 1996 (chủ biên). *Điều tra sinh vật vùng dưới triều Vịnh Hạ Long*. Báo cáo khoa học, lưu trữ tại Phân viện Hải dương học tại Hải Phòng, 50 trang.
3. Nguyễn Văn Tiến, 2004 (chủ biên). *Đánh giá đa dạng sinh học Khu di sản Vịnh Hạ Long và đề xuất kế hoạch quản lý*. Đề tài hợp tác quốc tế Asean-EU, lưu trữ tại Phân viện Hải dương học tại Hải Phòng, 100 trang.